TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐÔNG HƯNG** **TỈNH THÁI BÌNH** ----------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập – Tự do – Hạnh phúc ----------

Án số: 08/2019/DS - ST
Ngày 18/10/2019
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG HƯNG, TỈNH THÁI BÌNH

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Nhung

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Đình Cự và bà Nguyễn Thị Vĩnh.

Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thuận Yến - Thư ký Tòa án

Đại diện VKSND huyện Đông Hưng tham gia phiên tòa: Bà Lại Thị Giang - Kiểm sát viên

Ngày 18 tháng 10 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 18/2019/TLST- DS ngày 20/6/2019 về việc: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2019/QĐXX - ST ngày 09/9/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần Đ
Trụ sở: 130 PĐL, Phường 3, quận PN, Thành phố H.
Người đại diện theo pháp luật: Ông Võ Minh T – Chức vụ: Chủ tịch hội đồng quản trị, Ngân hàng thương mại cổ phần Đ
Người đại diện theo ủy quyền: Bà Vũ Thị Y - Cán bộ xử lý nợ Ngân hàng TMCP Đ chi nhánh Thái Bình, phòng giao dịch ĐH

Bị đơn: Chị Phạm Thị H, sinh năm 1966

Trú tại: Thôn XT, xã ĐC, huyện, ĐH, tỉnh TB

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Anh Phạm Văn S, sinh năm 1963

Trú tại: Thôn XT, xã ĐC, huyện, ĐH, tỉnh TB

Người làm chứng: Ông Đỗ Văn Quyết, sinh năm 1970

Trú tại: Thôn XT, xã ĐC, huyện, ĐH, tỉnh TB

(Các đương sự đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong quá trình tố tụng, bà Vũ Thị Y trình bày: Ngày 20/5/2016 Ngân hàng thương mại cổ phần Đ chi nhánh Thái Bình, phòng giao dịch Đông Hưng (sau đây gọi tắt là ngân hàng) đã cho bà Phạm Thị H vay số tiền 20.000.000 đồng với lãi suất 9%/năm (lãi suất tính trên dư nợ ban đầu). Lãi quá hạn mức 13,5%/năm (bằng 1,5 lần mức lãi cho vay trong hạn). Thời hạn vay 12 tháng với mục đích mua máy làm thêm. Hình thức thanh toán trả gốc và lãi hàng tháng theo bảng dự tính RULE78. Chia làm 12 kỳ mỗi kỳ 01 tháng kể từ 20/5/2016. Việc vay vốn dưới hình thức tín chấp thông qua hội phụ nữ xã ĐC và ông Phạm Văn S là chồng bà H ký bảo lãnh.

Sau khi bà H làm thủ tục vay vốn, ký giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ. Ngân hàng đã thực hiện cho bà H nhận nợ theo hình thức báo có vào số tài khoản 0108417512 của bà Phạm Thị H mở tại Ngân hàng, số tiền ngày 20/5/2016 số tiền 20.000.000 đồng. Bà H đã rút số tiền 20.000.000 đồng tại tài khoản của mình cùng ngày tại Ngân hàng. Sau khi vay vốn của Ngân hàng đến ngày 05/5/2017 bà H đã trả nợ Ngân hàng số tiền gốc là 14.718.462 đồng lãi trong hạn 1.661.538 đồng, lãi quá hạn 0 đồng còn dư nợ 5.281.000đồng gốc, lãi trong hạn là 138.462 đồng. Từ ngày 05/5/2017 bà H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng đã chuyển toàn bộ nợ vay còn thiếu sang nợ quá hạn. Do vậy tính đến ngày 19/6/2019 bà H còn nợ Ngân hàng số tiền gốc là 5.281.000 đồng gốc, lãi trong hạn là 138.462 đồng, lãi quá hạn là 1.513.920 đồng. Nhưng tính đến ngày hôm nay 18/10/2019 thì số tiền lãi quá hạn đã tăng lến 1.750.000 đồng. Do vậy nay Ngân hàng yêu cầu bà H, ông S phải trả nợ cho Ngân hàng Đ, Chi nhánh Thái Bình, Phòng giao dịch Đông Hưng tổng số tiền là 7.170.287 đồng. Ngân hàng yêu cầu bà H, ông S phải trả ngay cho Ngân hàng. Ngân hàng xác định chỉ cho bà H vay tiền không liên quan gì đến ông Q. Bà H là người ký kết vay vốn và nhận tiền của Ngân hàng Đ, ông S là người bảo lãnh, nên bà H, ông S phải có trách nhiệm trả nợ Ngân hàng.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 14/8/2019 bị đơn bà Phạm Thị H trình bày:

Bà H đã nhận được thông báo thụ lý vụ số 18/2019 ngày 20/6/2019 của Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng về việc Ngân hàng thương mại cổ phần Đ kiện đòi nợ bà. Bà biết Ngân hàng Đ yêu cầu bà phải trả khoản tiền nợ mà bà đã đứng tên vay của ngân hàng vào ngày 20/5/2016 và tính đến ngày 19/6/2019 còn nợ lại là 5.281.000 đồng gốc, lãi trong hạn là 138.462 đồng, lãi quá hạn là 1.513.920 đồng. Bà H cũng đã nhận các tài liệu chứng cứ mà Ngân hàng Đ gửi theo đơn khởi kiện đồng thời gửi cho bà. Vào ngày 20/5/2016 bà H có làm thủ tục vay vốn của Ngân hàng thương mại cổ phần Đ số tiền 20.000.000 đồng, với lãi suất 9%/năm. Lãi được tính trên dư nợ ban đầu. Thời hạn vay 12 tháng. Trả lãi hàng tháng theo hình thức ruler 78 chia làm 12 mỗi kỳ trả 1.820.000đ, kỳ cuối trả 1.780.000đồng. Việc vay vốn được thông qua hội phụ nữ xã ĐC. Khi làm thủ tục vay, ông S chồng bà H có ký vào phần

người bảo lãnh trong hợp đồng. Bà H là người trực tiếp ký vào giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ vào ngày 11/5/2016. Tuy nhiên khoản vay này bà vay với mục đích vay hộ anh Đỗ Văn Q sinh năm 1970 ở cùng thôn vì bà H làm công nhân ở Công ty may TT là công ty anh Q làm giám đốc. Sau khi vay vốn của Ngân hàng anh Q vẫn trả nợ cho Ngân hàng theo hợp đồng tôi đã ký kết. Đến ngày 05/5/2017 khoản vay nợ theo hợp đồng anh Q đã trả được 14.560.000đồng. Sau đó bà còn được nghe anh Q nói anh Q còn trả thêm một phần tiền nợ nhưng trả bao nhiêu bà không biết. Bà sẽ cung cấp cho Tòa án các tài lệu chứng cứ trong hạn 15 ngày kể từ ngày 14/8/2019 nếu bà không cung cấp được bà sẽ chịu hậu quả theo quy định của pháp luật. Bà đề nghị Tòa án giải thích với Ngân hàng để tạo điều kiện cho anh Q. Bà H đều đã nhận được các văn bản tố tụng mà Tòa án gửi cho bà và ông S. Sau khi nhận các văn bản bà đều thông báo nội dung cho ông S chồng bà biết, nhưng do ông S đi làm ăn xa nên không về được để trình bày với Tòa án. Do sức khỏe yếu, đường xa, bà không biết đi xe máy nên bà H xin vắng mặt trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa. Bà H đề nghị đưa ông Đỗ Văn Q vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Ông Đỗ Văn Q trình bày: Vào ngày 20/5/2016 ông Q có nhờ chị H, anh S, làm thủ tục vay vốn của Ngân hàng Đ số tiền 20.000.000 đồng để kinh doanh hình thức vay trả góp hàng tháng. Sau khi chị H làm thủ tục vay vốn thì toàn bộ số tiền được vay từ Ngân hàng chị H đã chuyển giao toàn bộ cho ông Q. Ông Q đã thực hiện nghĩa vụ của mình hàng tháng đối với khoản vay trên. Tính đến ngày 05/5/2017 đối với khoản tiền chị H vay của Ngân hàng, ông Q đã trả được 14.560.000 đồng. Sau đó do Công ty ông Q làm ăn gặp khó khăn nên ông không thực hiện trả gốc, lãi theo hợp đồng mà chị H đã ký kết với Ngân hàng mà chỉ trả được một phần cụ thể ông Q sẽ cung cấp cho Tòa án trong hạn 15 ngày kể từ ngày 14/8/2019. Ông Q đề nghị Tòa án đưa ông vào tham gia tố tụng để ông gặp gỡ Ngân hàng trao đổi với Ngân hàng về khoản tiền mà chị H đã vay cho ông.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng là đúng với quy định của pháp luật .

Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, sau khi đương sự trình bày ý kiến, Tòa án xét thấy:

[**1]Về tố tụng**:

Bà Phạm Thị H, ông Phạm Văn S, ông Đỗ Văn Q vắng mặt lần thứ hai mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Đại diện theo ủy quyền Ngân hàng thương mại cổ phần Đ vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng các đương sự.

[**2] Về nội dung**:

[2.1]Xét yêu cầu của nguyên đơn: Về việc yêu cầu bị đơn phải trả toàn bộ số tiền gốc là 5.281.000đồng gốc, lãi trong hạn là 138.462 đồng**.** Lãi quá hạn tính từ ngày 05/5/2017 - đến ngày xét xử 18/10/2019 là 896 ngày là 1.750.000 đồng, đồng thời yêu cầu bị đơn tiếp tục trả lãi theo mức lãi nợ quá hạn gấp 1,5 lần mức lãi đã thỏa thuận theo hợp đồng cho đến khi hoàn thành việc trả nợ. Hội đồng xét xử thấy rằng:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án gồm: Văn bản trình bày của bà Vũ Thị Y – là người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng thương mại cổ phần Đ , Biên bản ghi lời khai của bà Phạm Thị H, ông Đỗ Văn Q, bà H, ông Q đều thừa nhận ngày 20/5/2016 bà H có ký hợp đồng vay vốn tại Ngân hàng Đ, chi nhánh Thái Bình, phòng giao dịch huyện Đông Hưng theo Giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ ngày 11/5/2016 với số tiền 20.000.000 đồng như đại diện Ngân hàng Đ đã trình bày. Ông Phạm Văn S là người ký bảo lãnh nghĩa vụ trả nợ hàng kỳ cho Ngân hàng thay cho bà Phạm Thị H khoản vay trên.

Xét việc thỏa thuận của các đương sự khi giao kết hợp đồng thể hiện trong các văn bản gồm Giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ (BL 18); Danh sách cho vay giải ngân qua tài khoản thẻ (BL 12); Bảng dự tính RULE78 (BL 11) là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc, không trái pháp luật và đạo đức xã hội, khi thỏa thuận các bên đương sự đều là những người đủ năng lực trách nhiệm dân sự. Theo thỏa thuận đến ngày 20/5/2017 bà H phải hoàn thành việc trả nợ cả gốc và lãi cho Ngân hàng, tuy nhiên từ ngày 05/5/2017 bà Huế đã không trả nợ cho Ngân hàng là vi phạm quy định các bên đã ký kết trong phần III giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ mà các bên đã giao kết ngày 11/5/2016.

Bà H giao kết hợp đồng vay Ngân hàng Đông Á số tiền 20.000.000 đồng, bà đã trả được số tiền gốc là 14.718.462 đồng lãi 1.661.538 đồng.

Do vậy tính đến ngày 18/10/2019 bà H còn nợ Ngân hàng Đông Á số tiền gồm:

- Nợ gốc còn lại là 5.281.538 đồng.
- Lãi trong hạn là 138.462 đồng.

Từ ngày 05/5/2017 bà Huế đã không trả nợ cho Ngân hàng. Bà H cho rằng sau ngày 05/5/2017 ông Q còn trả thêm một phần tiền lãi, nhưng không cung cấp được tài liệu chứng cứ về việc trả nợ. Mặt khác đại diện Ngân hàng Đ không chấp nhận ý kiến về việc ông Q trả lãi sau ngày 05/5/2017 cho khoản nợ bà H đã vay. Trong quá

trình tố tụng bà H đã được Tòa án giải thích về hậu quả của việc không cung cấp được tài liệu chứng cứ, nhưng cho đến ngày xét xử 18/10/2019 bà H vẫn không cung cấp thêm được tài liệu chứng cứ nào khác do vậy không có căn cứ chứng minh việc ông Q đã trả thêm một phần lãi cho khoản nợ bà H đã vay của Ngân hàng như bà H trình bày.

Như vậy thời gian chậm trả khoản nợ của bà H tính từ 05/5/2017 – 18/10/2019 là 896 ngày.

Các bên cam kết mức lãi trong hạn là 9%/năm, lãi quá hạn là 1,5 lần mức lãi trong hạn. Vì vậy lãi quá hạn được xác định là 13,5%/năm.

- Do vậy số tiền lãi quá hạn tính đến ngày xét xử 18/10/2019 bà Huế phải trả là : $\frac{5.281.538 \text{ đồng} \times 13,5\% \times 896 \text{ ngày}}{365} = 1.750.287$ đồng

Tổng số tiền lãi là 1.750.000 đồng + 138.462 đồng = 1.888. 462 đồng

Do vậy Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà H phải trả nợ gốc, và lãi tính đến ngày 18/10/2019 là 7.170.000đ đồng (làm tròn số) và phải tiếp tục trả lãi cho Ngân hàng theo hợp đồng đã ký kết cho đến khi trả xong nợ là có căn cứ chấp nhận.

Do ông S là chồng bà H đã tự nguyện cam kết tại phần IV Giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ ngày 11/5/2016 giữa bà Huế và Ngân hàng bảo lãnh nghĩa vụ trả nợ thay cho bà H. Việc ông S bảo lãnh, nghĩa vụ trả nợ cho bà H không thuộc trường hợp phải đăng ký dao dịch bảo đảm theo Điều 3 nghị định 83/2010/NĐ- CP do vậy việc bảo lãnh trên hoàn toàn hợp pháp bà H không trả được nợ cho Ngân hàng thì ông S phải là người có trách nhiệm trả nợ thay cho bà H theo đúng hợp đồng đã ký kết.

[2.2] Đối với yêu cầu của bà H về việc đề nghị đưa ông Q vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Tuy bà H và ông Đỗ Văn Q đều xác nhận bà H vay tiền của Ngân hàng hộ ông Q số tiền 20.000.000đ theo giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ ngày 20/5/2016. Ông Q thừa nhận sau khi bà H vay được tiền, số tiền bà H vay ngân hàng, mục đích vay giúp ông Q để ông Q lấy vốn kinh doanh. Do vậy sau đó ông Q là người đã thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng hàng tháng đối với khoản vay trên thay bà H, nhưng đến năm 2017 do việc kinh doanh khó khăn, ông chưa có điều kiện thanh toán nốt cho Ngân hàng. Đến ngày 05/5/2017 còn nợ vẫn còn nợ Ngân hàng 5.281.538 đồng gốc, lãi trong hạn là 138.462 đồng. Ông Quyết đề nghị đưa ông vào tham gia tố tụng để ông trao đổi với Ngân hàng về khoản tiền bà H đã vay của Ngân hàng giúp ông. Tuy nhiên khi Tòa án triệu tập ông Q, bà H, ông S đến tham gia phiên hòa giải, nhưng ông Q, bà H, ông S đều vắng mặt. Ngân hàng thương mại cổ phần Đ không nhất trí việc đàm phán với ông Q và cho rằng Ngân hàng chỉ cho bà H vay, ông S là người ký bảo lãnh về nghĩa vụ trả nợ đối với khoản vay của bà H. Thực tế việc Ngân hàng

chỉ làm thủ tục cho bà H vay và không liên quan đến ông Q, do vậy bà H, ông S có quyền khởi kiện ông Q bằng vụ án dân sự khác.

[**3] Về án phí**: Yêu cầu của Ngân hàng thương mại cổ phần Đ được chấp nhận nên Ngân hàng không phải chịu án phí.

Bà H, phải chịu 5% án phí tương ứng với số tiền phải trả là 7.170.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 471, 474 Bộ luật dân sự năm 2005 và Điều 476 Bộ luật dân sự 2015; Điều 26, Điều 35, Điều 39; Điều 147; Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết 236/2016/NQ - UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án. Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng

1. Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Đ.

2. Buộc bà Phạm Thị H, sinh năm 1966 địa chỉ: Thôn XT, xã ĐC, huyện ĐH, tỉnh TB phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ chi nhánh TB phòng giao dịch huyện ĐH số tiền nợ gốc còn lại là 5.281.538 đồng, số tiền lãi trong hạn và quá hạn là 1.888. 462 đồng, tổng là 7.170.000 đồng (Bảy triệu một trăm bảy mươi ngàn đồng *) - (làm tròn số)*

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bà H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng.

Trường hợp bà H không trả được nợ cho Ngân hàng thì người bảo lãnh là ông Phạm Văn S sinh năm 1963 ở địa chỉ: Thôn XT, xã ĐC, huyện ĐH, tỉnh TB phải có trách nhiệm trả nợ thay cho bà H.

3. Về án phí: Ngân hàng Đ không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả Ngân hàng Đ số tiền 300.00 đồng (Ba trăm năm ngàn đồng) tạm ứng án phí mà người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng Đ (bà Vũ Thị Y) đã nộp tại biên lai thu số 0008 053 ngày 19/6/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đông Hưng.

Bà Phạm Thị H phải chịu 358.500 đồng (Ba trăm năm mươi tám ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự

có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Đương sự
- Viện kiểm sát nhân dân ĐH
- Chi cục thi hành án dân sự huyện ĐH.
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Hà Thị Nhung